TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **182**/2023/DS-ST
Ngày: 07/6/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa;

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đỗ Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 54/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thùy T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Lý Nguyễn Huyền T2, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp HLT, xã BN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1963;

Bà Huỳnh Thị Ngọc T4, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T2, bà T4 có mặt, ông T3 có văn bản đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Dương Thị Thùy T1, có đại diện ủy quyền là chị Lý Nguyễn Huyền T2 trình bày:*

Chị T1 là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp. Ông T3 và bà T4 là khách mua phân thuốc tại cửa hàng của chị T1 từ năm 2020. Hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ mở sổ theo dõi nợ, hình thức thanh toán gối đầu: Chị T1 bán phân thuốc cho ông T3 bà T4 trước, khi nào thu hoạch thì trả tiền cho chị

T1. Đến tháng 12/2021 hai bên đối chiếu nợ thì ông T3 bà T4 còn nợ chị T1 số tiền 40.948.000 đồng. Đến ngày 04/10/2022, trong buổi hòa giải tại ấp TT, xã TTB thì bà T4 thừa nhận còn nợ chị T1 số tiền mua phân thuốc là 40.948.000 đồng và đồng ý trả nhưng đến nay chưa thực hiện. Việc mua phân thuốc dùng để trồng thanh long, là kinh tế chính trong gia đình ông T3. Nay chị T1 khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T3 và bà Huỳnh Thị Ngọc T4 trả số tiền mua phân thuốc còn nợ là 40.948.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T4 trình bày:*

Bà và ông Bùi Văn T3 là vợ chồng. Ông bà có mua phân thuốc tại cửa hàng của chị Dương Thị Thùy T1 và có nợ số tiền 23.773.000 đồng chứ không nợ số tiền 40.948.000 đồng như đơn khởi kiện của chị T1. Ngày 04/10/2022, bà có tham dự buổi hòa giải tại trụ sở ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với chị T1. Do bà không tìm được sổ theo dõi mua bán với chị T1 nên không biết số tiền nợ là bao nhiêu, lại tin tưởng chị T1 nên có thừa nhận nợ số tiền phân thuốc là 40.948.000 đồng như chị T1 trình bày và ký tên vào biên bản hòa giải. Sau khi về nhà, bà tìm được sổ theo dõi mua bán và tự cộng lại thì ông bà chỉ còn nợ chị T1 số tiền 23.773.000 đồng, chị T1 đã tự cộng thêm số tiền tổng cộng là 17.175.000 đồng. Do đó, ông bà chỉ đồng ý trả cho chị T1 số tiền nợ 23.773.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 40.948.000 đồng. Ông bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 23.773.000 đồng. Ông bà mua phân thuốc để trồng thanh long, là kinh tế chính trong gia đình.

** Ông Bùi Văn T3 trình bày:*

Vợ chồng ông bà chỉ nợ chị T1 số tiền mua phân thuốc là 23.773.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền trên cho chị T1, không đồng ý trả số tiền 40.948.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T2 trình bày bổ sung: Những khoản tiền mà bà T4 cho rằng không có trong sổ của bà T4 là do có những lần bà T4 đi mua phân thuốc không mang sổ nên chị T1 chỉ ghi vào sổ của chị T1 mà không ghi vào sổ của bà T4. Trong buổi hòa giải ngày 04/10/2022 tại ấp TT, xã TTB, bà T4 đã thừa nhận số tiền nợ 40.948.000 đồng nên nguyên đơn không đồng ý với lời trình bày của bà T4, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà T4 và ông T3 trả số tiền 40.948.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà T4 giữ nguyên lời trình bày của mình. Bị đơn ông T3 có văn bản xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Dương Thị Thùy T1 khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T4 và ông Bùi Văn T3 trả số tiền mua vật tư nông nghiệp nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà T4 và ông T3 cư trú tại ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông T3 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T3.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị T1 là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp. Ông T3 và bà T4 là khách mua phân thuốc tại cửa hàng của chị T1 từ năm 2020. Hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ mở sổ theo dõi nợ, hình thức thanh toán gối đầu: Chị T1 bán phân thuốc cho ông T3 bà T4 trước, khi nào thu hoạch thì trả tiền cho chị T1. Đến tháng 12/2021 hai bên đối chiếu nợ thì ông T3 bà T4 còn nợ chị T1 số tiền 40.948.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp Biên bản về việc giải quyết hòa giải ngày 04/10/2022 tại trụ sở ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn bà T4 trình bày bà có tham gia buổi hòa giải ngày 04/10/2022 tại trụ sở ấp Tân Thành và có ký tên vào biên bản hòa giải. Do tin tưởng chị T1 nên bà có thừa nhận nợ số tiền phân thuốc là 40.948.000 đồng và được ghi vào biên bản hòa giải nhưng thực tế bà chỉ còn nợ chị T1 số tiền 23.773.000 đồng, chị T1 đã tự cộng thêm số tiền tổng cộng là 17.175.000 đồng. Do đó, bà chỉ đồng ý trả cho chị T1 số tiền nợ 23.773.000 đồng. Bà T3 đã cung cấp 01 sổ mua phân thuốc để chứng minh cho lời trình bày của minh.

Trong Biên bản về việc giải quyết hòa giải ngày 04/10/2022 tại trụ sở ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang có nội dung: "*Ý kiến của bà Huỳnh Thị Ngọc T4: ... Bà thống nhất bà có thiếu tiền phân thuốc của bà T1 là 40.948.000 đồng và tiền hụi là 86.000.000 đồng*". Bà T4 thừa nhận, tại buổi hòa giải ngày 04/10/2022 bà thống nhất với ý kiến của chị T1 là bà còn nợ số tiền phân thuốc 40.948.000 đồng, chữ ký trong biên bản hòa giải là của bà. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, trong Biên bản về việc giải quyết hòa giải ngày 04/10/2022 có nội dung hòa giải về phần tiền hụi thì bà T4 không thống nhất số tiền nợ hụi với chị T1 và đề nghị để bà T4 về xem xét lại. Do đó, việc bà T4 trình bày do tin

tưởng chị T1 nên bà đã thừa nhận nợ số tiền phân thuốc 40.948.000 đồng trong phiên hòa giải là không có cơ sở.

Bà T4 cung cấp một sổ theo dõi mua bán nhưng không ghi rõ nội dung, không thể hiện rõ giao dịch mua bán, không có chữ viết hay chữ ký nào khác và không được phía chị T1 thừa nhận. Bà T4 cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định bà T4 còn nợ chị T1 số tiền mua vật tư nông nghiệp là 40.948.000 đồng nên cần buộc bà T4 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị T1.

[4] Về nghĩa vụ liên đới: Bị đơn bà T4 và ông T3 trình bày ông bà là vợ chồng, mua vật tư nông nghiệp dùng để trồng thanh long, là kinh tế chính trong gia đình. Quá trình tố tụng, ông T3 cũng đồng ý cùng với bà T4 trả số tiền nợ phân thuốc cho chị T1. Do đó, ông T3 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà T4 trả cho chị T1 số tiền nợ là 40.948.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về thời hạn trả nợ: Bị đơn bà T4, ông T3 xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và cũng không được phía nguyên đơn đồng ý cho trả dần. Do đó cần buộc bà T4 và ông T3 có nghĩa vụ trả cho chị T1 số tiền 40.948.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Diệp và ông T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 220, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thùy T1.

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc T4 và ông Bùi Văn T3 có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Thùy T1 số tiền nợ 40.948.000 đồng *(Bốn mươi triệu chín trăm bốn*

mươi tám ngàn đồng). Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Dương Thị Thùy T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Ngọc T4 và ông Bùi Văn T3 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc T4 và ông Bùi Văn T3 phải chịu 2.047.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Dương Thị Thùy T1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.024.000 đồng theo biên lai thu số 0025631 ngày 15/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thủy Uyên